

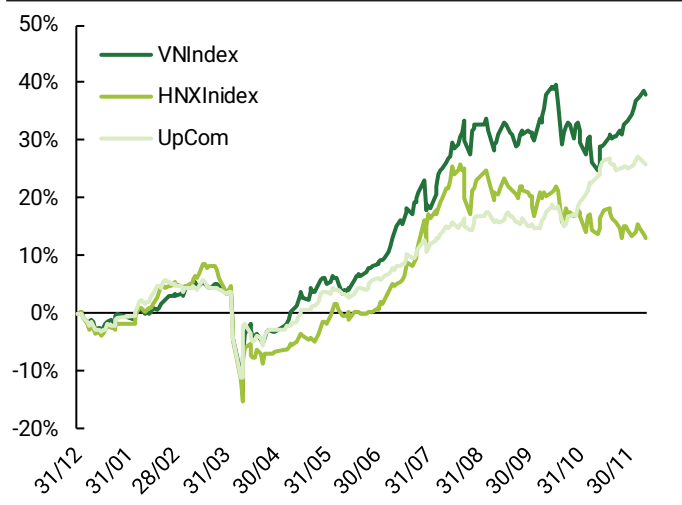
VN-Index **1747.17 (-0.37%)**
1034 Tr. cổ phiếu 29640.3 Tỷ VND (37.05%)

HNX-Index **257.14 (-0.60%)**
78 Tr. cổ phiếu 1606.3 Tỷ VND (36.25%)

UPCOM-Index **119.68 (-0.17%)**
33 Tr. cổ phiếu 451.7 Tỷ VND (-30.16%)

VN30F1M **1970.00 (-0.71%)**
320,603 HD OI: 38,882 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** VNIndex đóng cửa phiên tại 1747.2, giảm -6.6 điểm (-0.37%). Thanh khoản tăng mạnh trên mức trung bình 20 phiên với độ rộng nghiêng về số mã giảm. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Dù chỉ số thu hẹp một phần đà giảm nhưng mức đồng thuận của toàn thị trường chưa cao. Vingroup tiếp tục nâng đỡ trong khi nhóm Ngân hàng gây áp lực lớn lên đà giảm. Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+4.8%), IJC (+2.9%) | Xây dựng và Vật liệu: LCG (+5.7%), DPG (+1.9%) | Công nghệ: FPT (+1.5%), ELC (+1.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-5.0%), HDB (-3.8%), VPB (-3.2%) | Dầu khí: PVD (-5.4%), BSR (-3.0%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (-1.6%), VNM (-1.6%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VOS (-2.9%), GMD (-1.7%) | Tiện ích: GAS (-2.1%), POW (-2.0%), GEG (-1.8%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, FPT, VCB, EIB, HCM - Chiều giảm | VHM, VPB, LPB, VPL, CTG
Khối ngoại Bán ròng hơn 2400 tỷ, tập trung nhiều ở VPL (hơn 1000 tỷ), VIC, HDB, trong khi mua ròng FPT, HPG, POW.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** thu hẹp đà giảm về cuối phiên nhưng độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên bán. Biên độ dao động và thanh khoản lớn tiềm ẩn rủi ro. Dù chỉ số có phản ứng bật tăng tại hỗ trợ 1740 nhưng chưa hẳn là mẫu hình nền đảo chiều đáng tin cậy, bởi thân nến giảm còn quá lớn. Cần thêm tín hiệu củng cố trên ngưỡng 1740 điểm ở các phiên sau để xác nhận. Nếu trạng thái tích lũy tốt, quán tính tăng có thể trở lại với mục tiêu gần là ngưỡng tâm lý 1800 điểm. Ngược lại, dấu hiệu suy yếu dưới ngưỡng 1730 điểm sẽ gia tăng khả năng điều chỉnh về khu vực hỗ trợ thấp hơn, quanh 1690 - 1700 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên tạo mẫu hình nền Hammer, cho thấy khu vực quanh đáy 256 tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ tốt. Dù vậy, động lực cần được củng cố ở các phiên sau, trạng thái có lẽ tiếp rung lắc quanh 256 - 262.
- Chiến lược chung:** Vị thế nghiêng về nắm giữ và quan sát thêm diễn biến thị trường. Quản trị rủi ro trong trường hợp có cổ phiếu bị vi phạm. Dòng tiền đang trở lại phân hóa và luân chuyển nhanh, nên hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Tỷ trọng chung nên được duy trì ở mức trung bình, phòng ngừa chỉ số tiếp tục có biến động mạnh. NGĐT có thể phân bổ một phần tỷ trọng qua kênh phái sinh để phòng vệ giá (Hedging).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ PHR (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,747.2 ▼	-0.37%	1.8%	9.3%	29,640.3 ▲	37.0%	32.3%	20.3%	1,034.0 ▲	32.2%	48.9%	21.9%				
HNX-Index	257.1 ▼	-0.6%	-0.7%	-1.1%	1,606.3 ▲	36.3%	10.1%	-38.1%	77.8 ▲	42.9%	11.0%	-21.8%				
UPCOM-Index	119.7 ▼	-0.17%	0.0%	2.5%	451.7 ▼	-30.2%	-26.0%	-58.0%	33.0 ▼	-21.3%	14.0%	-24.8%				
VN30	1,973.0 ▼	-0.5%	1.2%	8.1%	16,979.1 ▲	60.8%	28.8%	17.8%	446.2 ▲	50.3%	45.8%	9.2%				
VNMID	2,258.7 ▼	-0.8%	-1.2%	0.9%	9,082.8 ▲	27.8%	23.9%	6.6%	356.0 ▲	29.2%	26.1%	7.9%				
VNSML	1,521.1 ▬	0.01%	0.9%	1.1%	1,612.9 ▲	4.2%	45.9%	31.4%	123.3 ▲	4.0%	64.6%	50.1%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	618.5 ▼	-1.39%	2.09%	2.4%	8,029.5 ▲	50.86%	23.2%	51.1%	314.6 ▲	38.2%	18.2%	45.6%				
Bất động sản	792.2 ▲	1.9%	7.9%	30.5%	5,797.9 ▲	69.3%	34.2%	43.8%	154.2 ▲	33.3%	31.6%	30.2%				
Dịch vụ tài chính	310.9 ▼	-0.7%	0.6%	1.0%	3,679.8 ▲	37.1%	20.7%	19.3%	152.1 ▲	43.5%	32.8%	31.3%				
Công nghiệp	279.8 ▼	-1.1%	-0.5%	10.0%	1,644.7 ▲	15.5%	24.8%	15.4%	43.5 ▲	15.3%	22.8%	22.5%				
Tài nguyên cơ bản	524.9 ▼	-1.1%	1.0%	2.3%	1,351.5 ▲	51.0%	53.6%	37.5%	61.8 ▲	36.4%	55.2%	45.0%				
Xây dựng - Vật Liệu	190.9 ▼	-0.4%	0.8%	2.9%	1,240.7 ▲	9.0%	16.4%	26.2%	59.6 ▲	13.1%	24.6%	37.1%				
Thực phẩm	566.7 ▼	-0.8%	0.6%	6.9%	2,040.7 ▲	52.9%	19.8%	27.8%	57.3 ▲	63.2%	38.2%	31.0%				
Bán Lẻ	1,549.4 ▼	-1.2%	6.0%	11.3%	987.2 ▲	29.1%	-7.3%	39.9%	13.1 ▲	19.8%	-9.4%	29.8%				
Công nghệ	517.6 ▲	1.3%	-1.0%	-4.2%	1,120.3 ▲	71.5%	67.1%	56.7%	14.3 ▼	-19.6%	41.0%	54.0%				
Hóa chất	165.6 ▼	-0.26%	0.6%	-0.1%	636.3 ▲	46.2%	38.2%	20.2%	28.3 ▲	52.0%	65.0%	68.3%				
Tiện ích	662.0 ▼	-1.4%	-0.2%	2.1%	342.8 ▲	36.5%	29.6%	19.7%	19.0 ▲	63.7%	59.2%	35.4%				
Dầu khí	70.1 ▼	-3.24%	-0.3%	-1.3%	438.9 ▼	-6.4%	42.1%	-12.6%	20.8 ▲	2.4%	60.7%	4.9%				
Dược phẩm	429.9 ▼	-0.5%	1.3%	1.8%	50.5 ▼	-58.3%	-69.5%	-42.6%	5.2 ▼	-55.2%	-30.2%	22.1%				
Bảo hiểm	90.7 ▼	-1.1%	6.4%	6.3%	60.8 ▼	-42.7%	30.1%	64.4%	1.6 ▼	-49.1%	13.0%	32.8%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,747.2 ▼	-0.4%	37.9%	17.0x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,270 ▬	0.7%	-9.3%	13.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,657 ▼	-0.6%	22.3%	21.8x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,933 ▬	0.1%	-5.2%	15.8x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,977 ▬	0.5%	-8.5%	10.0x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,910 ▼	-0.37%	16.6%	18.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,434 ▼	-1.3%	26.8%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,655 ▬	0.14%	27.0%	22.3x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,847 ▼	-0.3%	16.4%	27.2x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	47,739 ▼	-0.4%	12.2%	23.1x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,657 ▬	0.1%	18.2%	14.5x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,721 ▼	-0.07%	16.9%	17.3x	2.5x
DXV		99.0 ▬	0.06%	-8.7%		
USDVND		26,368 ▬	0.030%	3.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

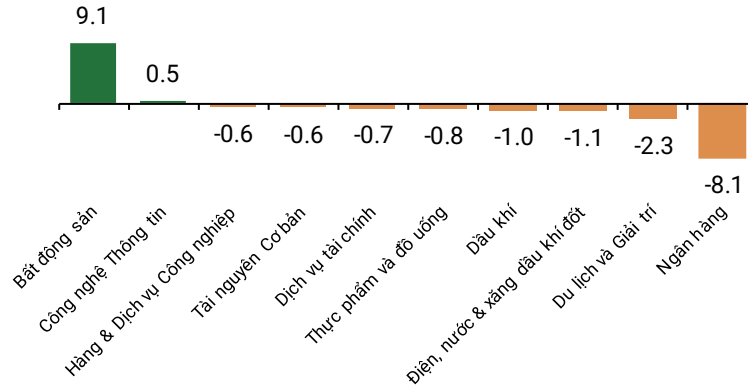
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.3%	-1.5%	-16.0%	-13.1%
Dầu WTI	▼	-1.7%	-1.2%	-17.7%	-13.6%
Khí gas	▼	-8.7%	11.9%	32.9%	51.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	-4.3%	-7.2%
Thép HRC (*)	▼	-0.8%	-0.3%	-5.5%	-7.2%
PVC (*)	▼	-0.9%	-4.1%	-11.3%	-13.2%
Phân Urea (*)	▲	1.2%	-1.3%	6.2%	12.8%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.1%	1.3%	-13.2%	-16.5%
Bông Cotton	▲	2.8%	0.4%	-6.6%	-8.7%
Đường	▬	0.0%	5.0%	-23.2%	-31.2%
World Container Index	▲	6.7%	-1.7%	-49.3%	-45.5%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.8%	-1.5%	48.9%	47.3%
Vàng	▬	0.2%	5.1%	60.2%	58.0%
Bạc	▬	0.5%	21.3%	102.8%	84.1%

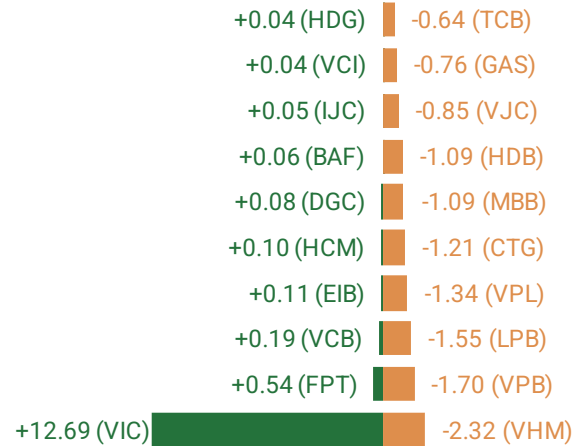
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

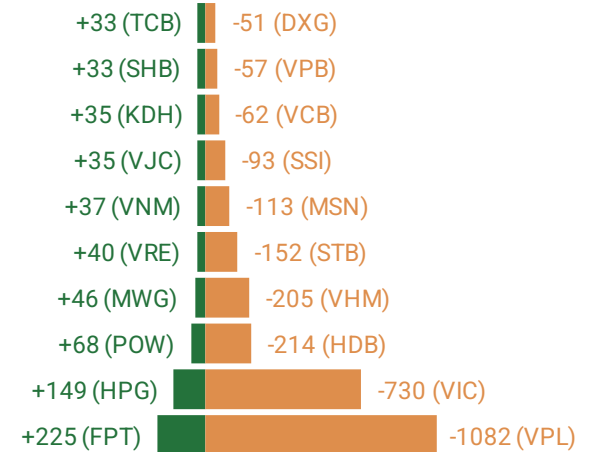
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



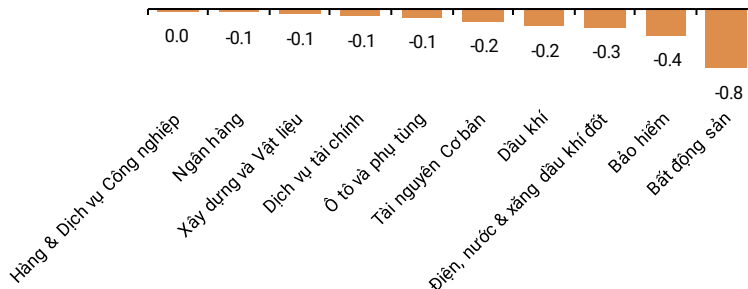
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



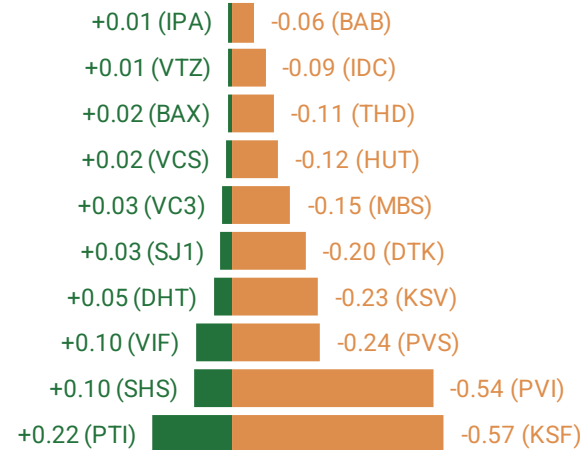
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



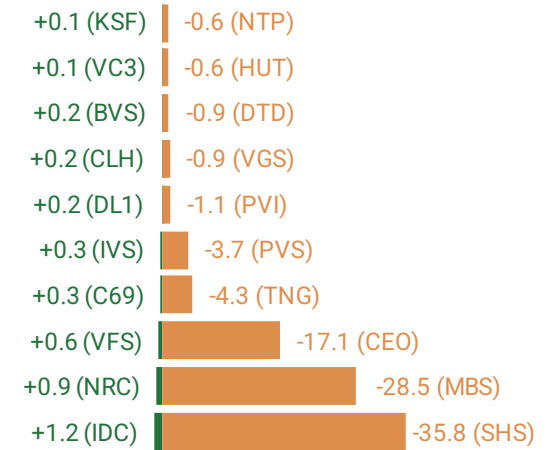
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	SHB	VIX	HPG	FPT
%DoD	4.8%	-0.6%	-0.2%	-1.3%	1.5%
Giá trị	2,077	1,445	1,363	1,061	952

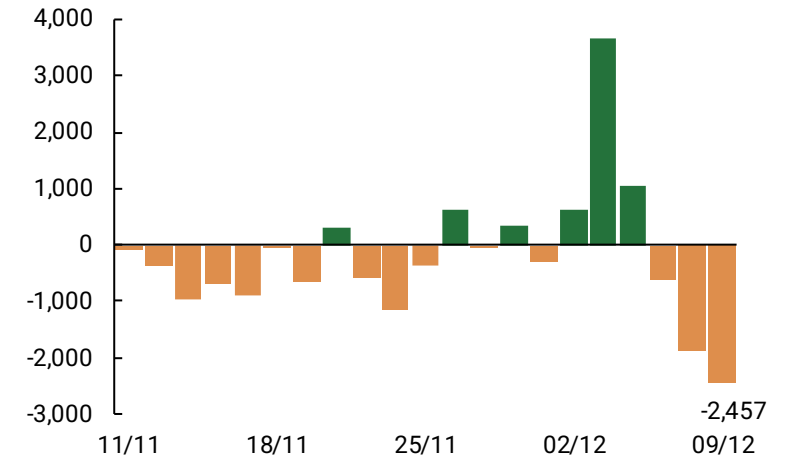
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VPL	VHM	STB	VPB	TCB
%DoD	-3.1%	-2.3%	-0.3%	-3.2%	-1.2%
Giá trị	1,080	406	315	286	200

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



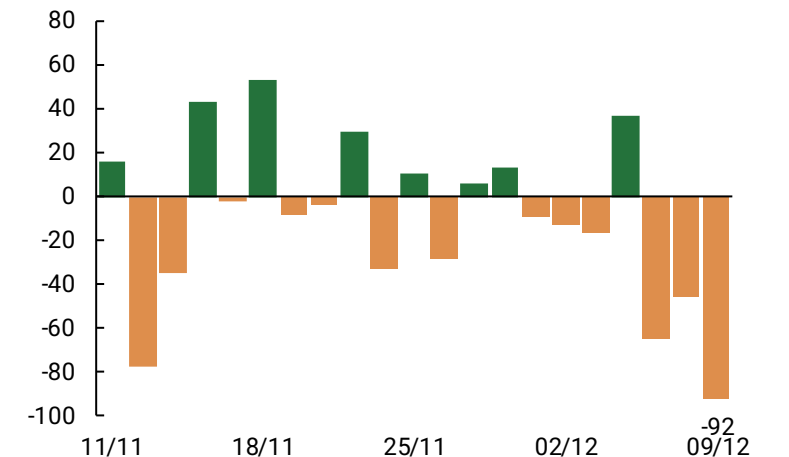
	SHS	CEO	MBS	PVS	IDC
%DoD	1.0%	-0.4%	-1.4%	-2.5%	-1.1%
Giá trị	501	302	138	114	106

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	CEO	TDT	HKT	PVS
%DoD	-1.2%	-0.4%	-1.5%	-0.8%	-2.5%
Giá trị	110	5	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm mạnh có bóng dưới dài, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1750 – 1760.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt khi tiếp cận vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.

Kịch bản: Giá mở cửa tạo “gap tăng” nhưng đảo chiều nhanh với biên độ lớn. Dù chỉ số thu hẹp một phần đà giảm, phản ứng phục hồi lại thiếu thuyết phục khi sự đồng thuận toàn thị trường vẫn còn kém. Cần thêm các phiên tăng điểm trên ngưỡng 1740 điểm để xác nhận. Nếu độ rộng không cải thiện, đà đi lên sẽ tiềm ẩn rủi ro và khả năng tiếp tục hạ nhiệt để củng cố lại xu hướng, với khu vực hỗ trợ gần quanh 1710 – 1730 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm mạnh có bóng dưới dài, vol trên bình quân 20 phiên.
 - ✓ Hỗ trợ: 1900 - 1920.
 - ✓ Kháng cự: 2000.
 - ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt khi tiếp cận vùng quá mua.
 - ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.
- ➔ VN30 tiếp cận vùng cản mục tiêu 2000 điểm và đảo chiều trở lại. Vingroup dẫn dắt đà tăng trong khi số mã giảm trong rổ vẫn áp đảo (25 mã giảm). Điều này cho thấy phản ứng bật tăng chưa thuyết phục khi độ rộng còn kém. Vận động có thể tiếp tục rung lắc củng cố thêm, với hỗ trợ gần quanh vùng 1940 - 1960.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	PHR	HOLD	Current price	57	0.7%	P/E (x)	11.5
			Action price (10/12)	56.6		P/B (x)	1.9
Exchange	HOSE		Cut loss (new)	54		EPS	4945.0
			Target price	64		ROE	17.3%
Sector	Commodity Chemicals		Target price (old)		Stock Rating	A	
					Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA20 ngày.
- Chỉ báo MACD hạ nhiệt nhưng còn nằm trên đường tín hiệu, cùng với RSI duy trì trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng vẫn được củng cố.
- Thanh khoản thấp cho thấy lực cung chưa gây áp lực lớn.
- Rủi ro thị trường: Độ rộng suy yếu và chỉ số đi lên dựa vào một, hai trụ cột sẽ tiềm ẩn khả năng đảo chiều, gây áp lực lên cổ phiếu riêng lẻ.

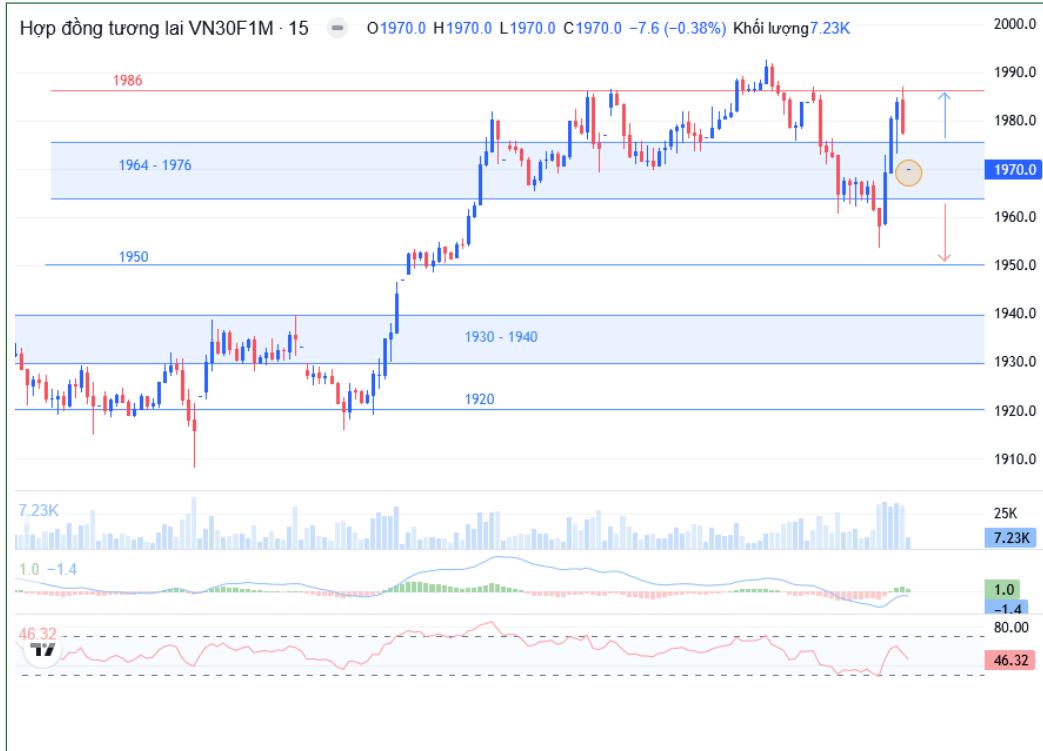
- ➔ Tín hiệu điều chỉnh lành mạnh nhưng có thể gặp rủi ro thị trường suy yếu.
- ➔ Khuyến nghị Nắm giữ, nâng cắt lỗ lên mức 54.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Nắm giữ	10/12/2025	57.00	56.60	0.7%	64.0	13.1%	54	-4.6%	Rủ ro thị trường

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Nắm giữ	18/11/2025	02/12/2025	21.80	22.5	-3.1%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	Nâng cắt lỗ 54
2	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	57.00	56.6	0.7%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	
3	DGW	Mua	01/12/2025	-	41.50	43.70	-5.0%	50.0	14.4%	40.0	-8.5%	
4	NTP	Mua	03/12/2025	-	63.70	64.2	-0.8%	71.0	10.6%	61.0	-5.0%	
5	DBC	Mua	04/12/2025	-	27.30	27.60	-1.1%	30.5	10.5%	26.0	-5.8%	
6	VGTT	Mua	05/12/2025	-	12.50	12.7	-1.2%	14.0	10.7%	12.0	-5.1%	
7	SHB	Mua	08/12/2025	-	16.50	16.75	-1.5%	18.5	10.4%	15.9	-5.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1970, giảm 14 điểm (-0.7%). Vận động chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch. Dù giá nỗ lực phục hồi vào cuối phiên chiều, khi có lúc vượt lên trên mức tham chiếu nhưng đã không duy trì được trạng thái này.
- Ở đồ thị 15 phút**, giá phục hồi và đảo chiều nhanh, khiến chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu nhưng còn dưới miền âm, trong khi RSI hạ nhiệt về dưới mức trung bình, hàm ý khả năng cần củng cố lại đà đi lên. Vùng kiểm định kỳ vọng quanh 1964 – 1976. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1963. Vị thế Long có thể tham gia khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1978. Lưu ý biến động mạnh có thể xảy ra do tác động của nhóm trụ lớn trong rổ VN30.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1865, giảm 13.4 điểm (-0.7%). Độ lệch basis -4.9 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 62 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1860, trong khi kháng cự là ngưỡng 1875 - 1880.

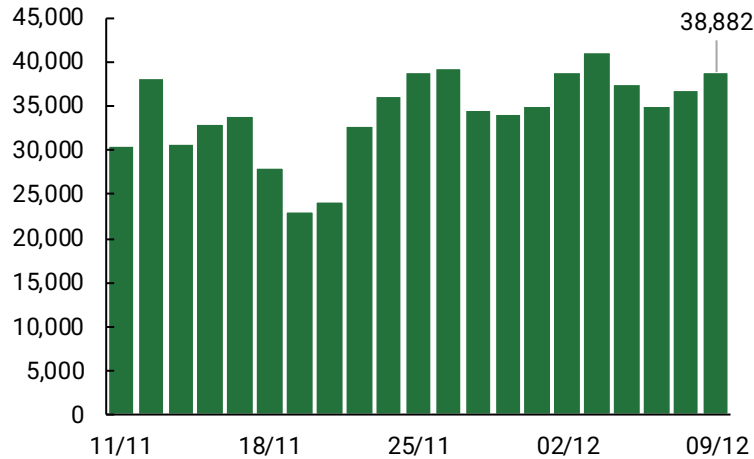
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1.963	1.952	1.970	11 : 07
Long	> 1.978	1.988	1.971	10 : 07

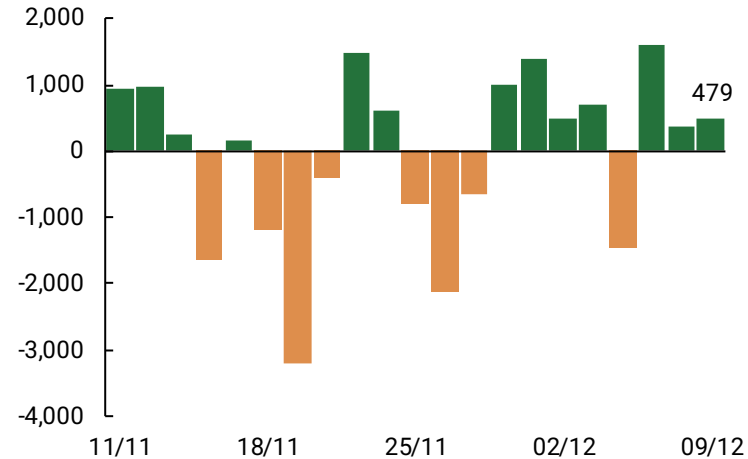
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,957.2	-18.7	35	233	1,983.4	-26.2	18/06/2026	191
41I1G3000	1,966.0	-10.3	76	430	1,978.4	-12.4	19/03/2026	100
41I1G1000	1,962.9	-18.5	981	1,641	1,975.0	-12.1	15/01/2026	37
VN30F2512	1,970.0	-14.0	320,603	38,882	1,973.5	-3.5	18/12/2025	9
41I2FC000	1,865.0	-13.4	62	45	1,870.3	-5.3	18/12/2025	9

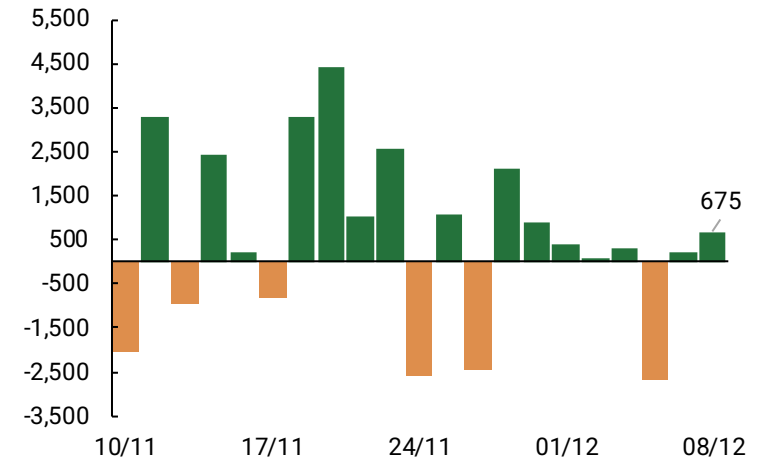
Khối lượng mở (Open interest)



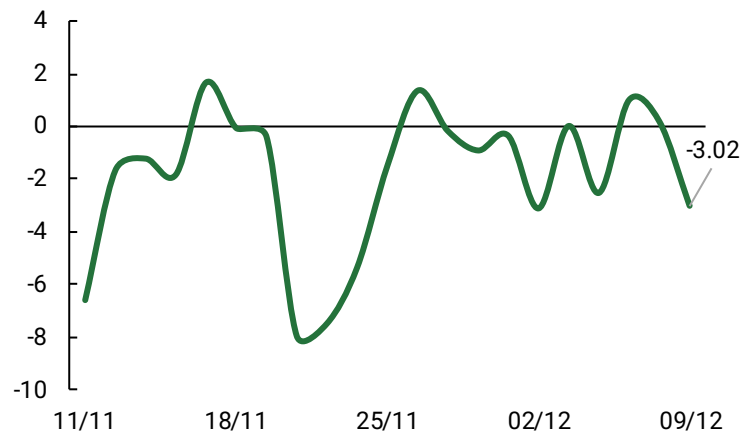
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



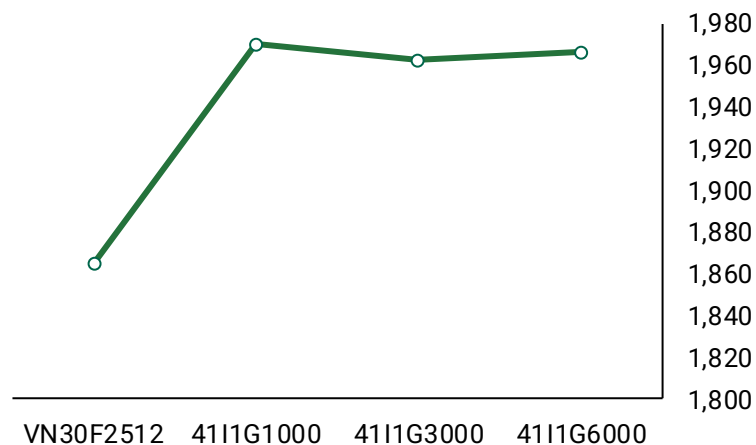
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



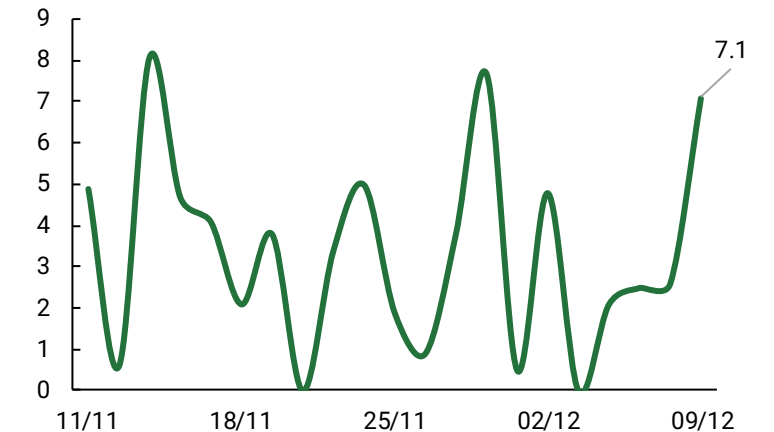
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	77,000	65,400	-15.1%	Bán
BCM	65,900	74,500	13.1%	Tăng tỷ trọng
CTD	85,100	91,400	7.4%	Nắm giữ
CTI	23,000	27,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,400	68,000	34.9%	Mua
DDV	24,631	35,500	44.1%	Mua
DGC	94,900	102,300	7.8%	Nắm giữ
DGW	41,500	48,500	16.9%	Tăng tỷ trọng
DPG	43,500	53,100	22.1%	Mua
DPR	37,200	46,500	25.0%	Mua
DRI	12,717	17,200	35.3%	Mua
EVF	11,800	14,400	22.0%	Mua
FRT	154,500	135,800	-12.1%	Bán
GMD	58,500	72,700	24.3%	Mua
HAH	59,600	67,600	13.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,850	33,800	9.6%	Nắm giữ
HHV	14,800	12,600	-14.9%	Bán
HPG	26,400	12,600	-52.3%	Bán
IMP	49,100	55,000	12.0%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,700	22,700	-8.1%	Giảm tỷ trọng
MSH	33,200	43,100	29.8%	Mua
MWG	84,000	92,500	10.1%	Tăng tỷ trọng
NLG	35,250	39,950	13.3%	Tăng tỷ trọng
NT2	23,600	27,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
PHR	57,000	72,800	27.7%	Mua
PNJ	88,500	96,800	9.4%	Nắm giữ
PVT	18,100	18,900	4.4%	Nắm giữ
SAB	53,300	59,900	12.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	64,800	59,700	-7.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,800	35,650	5.5%	Nắm giữ
TCM	27,500	38,400	39.6%	Mua
TRC	78,500	95,800	22.0%	Mua
VCG	24,450	26,200	7.2%	Nắm giữ
VHC	55,200	60,000	8.7%	Nắm giữ
VNM	62,500	66,650	6.6%	Nắm giữ
VSC	21,600	17,900	-17.1%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/12	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
05/12	Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
06/12	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
09/12	Úc – RBA công bố lãi suất
10/12	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Canada – BOC công bố lãi suất
11/12	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành, Chỉ số giá sản xuất (PPI)
12/12	Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
17/12	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/12	Việt Nam - Đảo hạn phái sinh Anh – BoE công bố lãi suất
19/12	Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất Mỹ - Công bố số cuối cùng GDP
31/12	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tổng thống Trump cho phép Nvidia bán chip AI cao cấp sang Trung Quốc: Tổng thống Donald Trump bất ngờ cho phép Nvidia xuất khẩu chip AI H200 cao cấp sang Trung Quốc, với điều kiện "chia lợi nhuận" 25% cho Chính phủ Mỹ. Theo ông Trump, Chủ tịch Tập Cận Bình đã "phản hồi tích cực" với thỏa thuận này.

Chính sách ngân hàng năm 2025 (Kỳ 1) sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng: Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2025, có hiệu lực từ ngày 15/10/2025, đã chính thức thêm quyền cho tổ chức tín dụng được thu giữ tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu trong những điều kiện nghiêm ngặt; bãi bỏ một số quy định liên quan đến cho vay đặc biệt, phương án phục hồi, chuyển giao bắt buộc để đơn giản hóa quy trình.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VIC – Tỷ phú Phạm Nhật Vượng rót 80.000 tỷ vào dự án thép đầu tay: Ngày 19/12 tới, hơn 200 công trình khởi công và khánh thành trên cả nước sẽ đồng loạt diễn ra nhằm chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Vingroup vừa đăng ký khởi động 4 dự án lớn gồm: Nhà máy thép Vinmetal Hà Tĩnh gần 80.000 tỷ đồng (461ha); Khu đô thị mới Kỳ Trinh 8.000 tỷ đồng (84ha); Nhà máy Điện gió Kỳ Anh 400MW, hơn 17.051 tỷ đồng; và Nhà máy Điện gió Eco Wind Kỳ Anh gần 500MW, 22.647 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VIC cũng khởi công Tuyến đường sắt tốc độ cao Bến Thành – Cần Giờ do VinSpeed đề xuất, chỉ sau một năm chuẩn bị, nhanh gấp 3-7 lần chuẩn quốc tế.

CTD – Dự định phát hành trái phiếu để trả 250 tỷ đồng lương thưởng cho nhân viên và thanh toán công nợ, lãi suất cố định 9%: Coteccons dự kiến phát hành 14 triệu trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng, huy động tối đa 1.400 tỷ đồng với kỳ hạn 3 năm và lãi suất cố định 9%/năm. Đợt phát hành dự kiến diễn ra trong quý IV/2025 hoặc quý I/2026 sau khi được UBCKNN chấp thuận, với SSI đóng vai trò đại lý phát hành, đại diện trái chủ và tư vấn. Doanh nghiệp trả lãi 6 tháng/lần, gốc thanh toán cuối kỳ; đồng thời cho phép cả Coteccons và nhà đầu tư thực hiện quyền mua lại hoặc yêu cầu mua lại vào các mốc 12 tháng và 24 tháng.

BID - Tiết lộ lợi nhuận 11 tháng hơn 29.000 tỷ, tổng tài sản vượt 3,2 triệu tỷ đồng: Ngày 6/12, BIDV tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VII nhiệm kỳ 2025–2030 và công bố sơ bộ kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2025 với lợi nhuận trước thuế hơn 29.000 tỷ đồng. Tổng tài sản đạt trên 3,2 triệu tỷ đồng, tăng 16% và tiếp tục là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất Việt Nam. Dư nợ tín dụng gần 2,3 triệu tỷ đồng, tăng 13,7% và dự kiến cả năm đạt 15%–16%, trong khi huy động vốn vượt 2,3 triệu tỷ đồng, tăng 8% và ước cả năm 12%–13%.

VCG - Duyệt chi mua trọn 98,16% cổ phần Viwaseen, thầu tóm quỹ đất vàng tại Hà Nội và Hải Phòng: Ngày 5/12/2025, Vinaconex công bố Quyết định 2666/2025/QĐ-HĐQT phê duyệt việc mua trọn lô 56.949.500 cổ phần VIW, tương ứng 98,16% vốn điều lệ Viwaseen, đồng thời ủy quyền Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết. Trước đó, SCIC thông báo đấu giá toàn bộ số cổ phần này vào ngày 20/10/2025 với mức giá khởi điểm 1.231,2 tỷ đồng (21.620 đồng/cp), cao hơn khoảng 86% so với thị giá VIW trên UPCoM tại thời điểm công bố.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415